

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 12 - 2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lam

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Quân

Ông Nguyễn Thái Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2022/HNGĐ- ST, ngày 18 tháng 4 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 08/11/2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 27/2022/TB-TA ngày 23/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Kim Mã, xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1992

Địa chỉ tại: Thôn Tây Nam, xã Sơn L, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh.

(Hiện lao động tại Đài Loan - Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, bản tự khai có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị N tại phiên tòa :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Ngọc S là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2016 tại UBND xã Sơn L, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian đầu cuộc sống chung vợ chồng diễn ra hạnh phúc nhưng được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến tháng 9 năm 2016, anh Nguyễn Ngọc S sang Đài Loan làm ăn, thời gian đầu anh S và chị Ngọc có liên lạc với nhau nhưng sau đó thì không còn liên lạc. Tuy nhiên, thời điểm khi vợ chồng còn liên lạc với nhau thì anh S cũng không cho chị N biết địa chỉ cụ thể của anh ở Đài Loan nên chị không thể cung cấp được cho Tòa án. Nay chị Trần Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai người từ lâu không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 23/01/2017. Từ khi anh S đi nước ngoài làm ăn thì cháu Nguyễn Quang A do chị Trần Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc S phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc S, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh thông qua người thân của anh. Quá trình xác minh người thân của anh Nguyễn Ngọc S cung cấp thông tin anh Nguyễn Ngọc S và chị Trần Thị N là vợ chồng, sau khi cưới được vài tháng thì đến tháng 9/2016, anh S sang Đài Loan lao động và anh vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình cho đến tháng 12/2017. Sau đó thì anh S không còn liên lạc nên gia đình không biết thông tin cũng như địa chỉ cụ thể của anh S ở Đài Loan như thế nào để cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự; phân tích nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N. Về tình cảm: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S; về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 23/01/2017 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và anh có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Trần Thị N cũng như người thân của anh Nguyễn Ngọc S cho biết trước khi sang Đài Loan, anh S có địa chỉ cư trú tại thôn Tây Nam, xã Sơn L, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, địa chỉ của anh S ở Đài Loan như thế nào thì chị N cũng như người thân của anh S không biết để cung cấp cho Tòa án. Để có căn cứ xem xét thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án đã đề nghị Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp thông tin về anh Sang. Tại Công văn xuất nhập cảnh số 6206/QLXNC - P5, ngày 24/3/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận anh Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 08/7/1992 đã xuất cảnh vào ngày 07/9/2016 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Ngoài ra, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh Nguyễn Ngọc S thông qua bố đẻ của anh là ông Nguyễn Ngọc Q và được ông Q cung cấp thông tin anh S hiện đang làm ăn ở Đài Loan. Thời gian đầu khi sang nước ngoài anh vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình nhưng mấy năm nay anh không còn liên lạc và trước đó khi còn liên lạc anh cũng không nói địa chỉ cụ thể của anh ở Đài Loan như thế nào nên ông Q

không biết để cung cấp cho Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi công văn đề nghị cung cấp địa chỉ, trình bày quan điểm về việc ly hôn, nuôi con cho anh S thông qua người thân của anh. Đồng thời thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng, đăng thông tin trên Đài tiếng nói Việt Nam kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài để thông báo cho anh S biết về thời gian Tòa án giải quyết vụ án. Tuy nhiên, đến nay Tòa án vẫn không nhận được bất cứ thông tin nào từ anh Nguyễn Ngọc S. Do đó, căn cứ Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ để giải quyết vắng mặt anh Nguyễn Ngọc S theo quy định.

2. Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Ngọc S có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2016 tại UBND xã Sơn L, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi đi đến hôn nhân hai người được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc và tự nguyện kết hôn nên hôn nhân giữa chị N và anh S là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được một gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống và tiếng nói chung. Từ tháng 9/2016 anh S sang Đài Loan làm ăn và cho đến tháng 12/2017 anh vẫn thường xuyên liên lạc về với chị N và người thân nhưng anh cũng không nói địa chỉ cụ thể của anh như thế nào tại Đài Loan nên bản thân chị N cũng như người thân của anh S không biết để cung cấp cho Tòa án. Mặc dù quá trình sống chung vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai không có biện pháp hàn gắn và sau đó anh S sang Đài Loan làm ăn nên vợ chồng càng không có điều kiện hàn gắn tình cảm. Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Ngọc S không đạt được mục đích đó. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và hai người không còn liên lạc gì với nhau. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Trần Thị N với anh Nguyễn Ngọc S để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 23/01/2017. Xét thấy, từ khi anh Nguyễn Ngọc S sang Đài Loan làm ăn thì chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang A. Tại phiên tòa, chị N khẳng định chị đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian để chăm sóc con. Vì vậy, để không làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như xáo trộn cuộc sống của cháu A nên cần tiếp tục giao cháu cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Nguyễn Ngọc S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và anh có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 23/01/2017 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Quang A tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Ngọc S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và anh có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000163, ngày 18/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Sơn L;
- Đường sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Lam

